

Bản án số: 37/2022/HS-ST
Ngày: 02/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Xuân Thí và ông Võ Khắc Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tấn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa bằng hình thức trực tuyến với điểm cầu trung tâm tại Hội trường xét xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, để xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2022/TLST-HS ngày 21/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 467/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Ngọc T - Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1995 tại tỉnh Quảng Bình; Nơi đăng ký HKTT: thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nơi tạm trú: Tổ dân phố 3, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Quang X và bà Nguyễn Thị T; anh, chị em ruột có 02 người, T là con út trong gia đình; Vợ: Hồ Thị N, con: có 02 đứa, đứa lớn nhất 05 tuổi, đứa nhỏ nhất 02 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Đặng Văn L; sinh năm 1992; địa chỉ: thôn T, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn Đ; sinh năm 1997; địa chỉ: thôn P, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị Hồng L; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 10 giờ 40 phút ngày 07/3/2022, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Bình phối hợp với Công an thành phố Đồng Hới tiến hành kiểm tra phòng trọ của Lê Ngọc T tại Tổ dân phố 3, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Khi thấy lực lượng Công an kiểm tra, Lê Ngọc T đã tự nguyện lấy trong chiếc tất đeo chân ở trong phòng trọ 03 (ba) túi nilon trong suốt bên trong chứa tổng cộng 53 (năm mươi ba) viên nén dạng thuốc tân dược hình tròn màu hồng giao nộp cho Cơ quan Công an. Lúc 13 giờ 25 phút cùng ngày, T tiếp tục tự nguyện giao nộp 396 (ba trăm chín mươi sáu) viên nén dạng thuốc tân dược màu hồng và 04 (bốn) viên nén dạng thuốc tân dược màu xanh. T khai nhận là ma túy hồng phiến được cất giấu từ trước tại nhà ở của T ở thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Lực lượng Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ và niêm phong tang vật để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra Lê Ngọc T khai nhận: Khoảng ngày 20/02/2022, Nguyễn Phi A (tên gọi khác K) sinh năm 1992, trú tại phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình gọi điện bằng tài khoản Zalo “Cha của Beo” đến tài khoản Zalo “Chuột” của Lê Ngọc T hẹn T lên đường Hồ Chí Minh gần khu vực nghĩa địa Đ thuộc phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để Phi A giao ma túy hồng phiến cho T về cất giữ và bán. T đồng ý rồi điều khiển xe mô tô một mình đến địa điểm đã hẹn thì thấy P điều khiển xe mô tô đến. Lúc gặp nhau P đưa cho T 01 (một) bao nilon màu đen và nói “đem về cất cho anh”. T mang bao nilon màu đen nhận từ P về phòng trọ của mình tại Tổ dân phố 3, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình mở ra kiểm tra thì thấy bên trong chứa 08 (tám) túi nilon màu xanh và 02 (hai) túi nilon màu hồng bên trong chứa tổng cộng khoảng 2.000 (hai nghìn) viên ma túy hồng phiến. T cất giấu số ma túy bên trong phòng và bán dần khi có sự chỉ đạo từ Phi A hoặc khi có người hỏi mua sẽ trực tiếp mang đi bán. Khoảng ngày 27/02/2022 T lấy 400 (bốn trăm) viên ma túy hồng phiến trong số ma túy hồng phiến đã nhận từ Phi A vào ngày 20/02/2022 đem về cất giấu tại nhà thuộc thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Quá trình điều tra T còn khai nhận trước thời điểm bị bắt, Phi A đã 08 (tám) lần giao ma túy cho T cất giữ mỗi lần khoảng 2.000 (hai nghìn) viên ma túy hồng phiến, sau đó Phi A sẽ chỉ đạo cho T mang đi bán lại cho các con nghiện hoặc T sẽ chủ động mang đi bán khi có người hỏi mua để kiếm lời. Tiền bán ma túy sẽ được T gom lại cất giữ, khi nào Phi A cần sẽ nói T đưa lại trực tiếp cho Phi A, khoảng 03 ngày đến 07 ngày Phi A sẽ trả tiền công cho T, số tiền từ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đến 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên quá trình điều tra Phi A không thừa nhận việc giao ma túy hồng phiến cho Lê Ngọc T cất giữ để đưa đi bán.

Tại Bản kết luận giám định số 332/GĐ-PC09 ngày 14/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Số ma túy mà Lê Ngọc T cất giữ để mua bán trái phép và đã bị cơ quan điều tra thu giữ trong vụ án là loại

Methamphetamine, tổng khối lượng 45,106g (bốn mươi lăm phẩy một trăm lẻ sáu gam). Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, Số thứ tự 23, Danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ”.

Ngoài ra quá trình điều tra còn xác định vào cuối tháng 02/2022 đến đầu tháng 3/2022, Lê Ngọc T đã hai lần bán ma túy cho các đối tượng nghiện mua về để sử dụng, cụ thể: lần thứ nhất (cuối tháng 2/2022) bán cho Đặng Văn L và Phạm Văn Đ 10 viên ma túy loại hồng phiến với giá 500.000 đồng; lần thứ 2 vào đầu tháng 3/2022 T tiếp tục bán cho Đặng Văn L và Phạm Văn Đ 15 viên ma túy loại hồng phiến với giá 750.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 53 (năm mươi ba) viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược màu hồng; 02 (hai) túi nilon trong đó có 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa 201 viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược gồm 199 viên màu hồng và 02 viên màu xanh; 01 túi nilon màu hồng bên trong chứa 199 viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược gồm 197 viên màu hồng và 02 viên màu xanh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI màu đen đã qua sử dụng, số IMEI 1: 866042045309809, số IMEI 2: 866042047469809, bên trong chứa sim điện thoại số: 0528.263.793 và 0528.103.908, không kiểm tra chi tiết bên trong máy; 01 (một) giấy phép đăng ký xe mô tô, xe máy số 030756 của phương tiện biển kiểm soát 73N7 - 9938 mang tên Nguyễn Thị Hồng L.

Tại Bản cáo trạng số 52/CTr-VKS-P1 ngày 17/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Lê Ngọc T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố. Bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lê Ngọc T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Về hình phạt, đề nghị Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Ngọc T từ 15 đến 16 năm tù. Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy là tang vật của vụ án và tiêu hủy 01 điện thoại di động thu của bị cáo; trả lại giấy đăng ký xe mô tô cho chủ sở hữu; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi tố

tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Lê Ngọc T bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 điều 251 Bộ Luật hình sự với mức hình phạt cao nhất là 20 năm tù. Quá trình điều tra, cũng như tại giai đoạn xét xử, bị cáo và gia đình bị cáo không mời người bào chữa. Theo quy định tại Điều 76 Bộ Luật tố tụng hình sự thì bị cáo thuộc trường hợp được cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định người bào chữa. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo T đều từ chối người bào chữa. Tại phiên tòa bị cáo T khẳng định việc từ chối người bào chữa là do bị cáo hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Do đó, Tòa án chấm dứt việc chỉ định người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc T.

[2] Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc T đều khai nhận toàn bộ số ma túy mà bị cáo tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra vào ngày 07 tháng 3 năm 2022 trong quá trình khám xét tại phòng trọ của bị cáo (ở TDP 3 phường B) và tại nhà ở của gia đình bị cáo (ở thôn M, xã B) là của bị cáo cất giữ với mục đích để bán cho các con nghiện và để bị cáo sử dụng khi có nhu cầu. Ngoài ra bị cáo còn khai nhận vào cuối tháng 2/2022 bị cáo T đã bán cho hai đối tượng là Đặng Văn L và Phạm Văn Đ cùng mua 10 viên ma túy loại hồng phiến với giá 500.000 đồng để sử dụng; lần thứ hai vào đầu tháng 3/2022 bị cáo T tiếp tục bán cho Đ và L 15 viên ma túy loại hồng phiến với giá 750.000 đồng để sử dụng.

Theo kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận thì toàn bộ 449 viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược màu hồng (đã trừ đi 04 viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược màu xanh không phải là chất ma túy) thu giữ tại phòng trọ và nhà ở của bị cáo T là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 45,106g (bốn lăm phẩy một trăm lẻ sáu gam).

[3] Như vậy có căn cứ để kết luận bị cáo Lê Ngọc T đã có hành vi cất giấu 45,106g Methamphetamine nhằm mục đích để bán cho các con nghiện và sử dụng khi có nhu cầu. Hành vi trên của bị cáo T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Ngọc T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức và hiểu rõ tác hại của ma túy làm ảnh hưởng rất xấu đến mọi mặt của đời sống xã hội; ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để trừng trị, giáo dục bị cáo và mang tính răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Bị cáo Lê Ngọc T đã có hai lần mua bán trái phép chất ma túy nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự. Mặt khác, trong quá trình điều tra, bị cáo T đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm, cụ thể bị cáo đã chủ động khai báo ra nơi cất giấu ma túy và giao nộp ma túy; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 của

Bộ Luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Lê Ngọc T không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo Lê Ngọc T khai nguồn gốc số ma túy mà bị cáo T cất giấu trong phòng trọ và trong nhà để bán là của đối tượng Nguyễn Phi A (tên gọi khác Kỳ Đ) đã giao cho bị cáo T vào ngày 20/02/2022 tổng cộng 2.000 viên ma túy để T bán cho các con nghiện rồi giao tiền lại cho Phi A. Tuy nhiên, theo lời khai của T thì việc giao nhận ma túy chỉ có Phi A và bị cáo T trực tiếp giao nhận với nhau mà không ai biết. Hiện tại, không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai của bị cáo T là có cơ sở. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh, đối chất, thu thập chứng cứ nhưng không có cơ sở để xác định Nguyễn Phi A đã cung cấp ma túy cho Lê Ngọc T bán theo như lời khai của Lê Ngọc T. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Phi A.

[8] Trong vụ án này còn có các đối tượng Đặng Văn L, Phạm Văn Đ đã có hành vi mua ma túy của Lê Ngọc T về sử dụng cho bản thân, tuy nhiên hành vi chưa đến mức bị xử lý hình sự. Cơ quan điều tra đã thông báo cho chính quyền địa phương nơi các đối tượng cư trú quản lý, giáo dục là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng vụ án: Đối với số ma túy là tang vật trong vụ án cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo T là công cụ mà bị cáo T sử dụng để liên lạc bán ma túy cho đối tượng nghiện; điện thoại đã qua sử dụng, bị nứt vỡ, không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 030756 của phương tiện biển kiểm soát 73N7 - 9938 mang tên Nguyễn Thị Hồng L không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho chủ sở hữu.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Ngọc T **15 năm 06 tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2022.

Tuyên bố tiếp tục duy trì Quyết định tạm giam số: 48/2022/HSST-QĐTG ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với bị cáo Lê Ngọc T cho đến khi có quyết định khác thay thế để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

- Toàn bộ số ma túy là tang vật của vụ án trong 01 bì thư dán kín, trên có ghi “332/KL-KTHS” “Mẫu ký hiệu A1, A2, A3”, niêm phong bằng chữ ký của những người tham gia niêm phong, hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, ngoài cùng dán băng dính trong suốt.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI màu đen đã qua sử dụng, số số IMEI 1: 866042045309809, số IMEI 2: 866042047469809, bên trong chứa sim điện thoại số: 0528.263.793 và 0528.103.908, mặt sau máy và camera máy bị nứt vỡ, không kiểm tra chi tiết bên trong máy.

3.2. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng L 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 030756 của phương tiện biển kiểm soát 73N7 - 9938 mang tên Nguyễn Thị Hồng L.

(Các vật chứng trên có đặc điểm như trong Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình ngày 21/6/2022).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/8/2022). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- PV 27 Công an tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Tòa HS; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ